

Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 03/6/2019

Môn: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đáp án - thang điểm gồm 2/2 trang)

Câu	Nội dung (Câu hỏi/ Đáp án)	Điểm
1	<b>Trình bày khái quát vùng văn hóa Nam bộ.</b>	<b>4.00</b>
	- Địa hình: nằm trong lưu vực sông Đồng Nai và hệ thống sông Cửu Long, với khí hậu hai mùa, mênh mông sông nước và kênh rạch.	0.50
	- Thành phần dân cư: người Khơ mer (bản địa); người Việt, người Hoa, người Chăm v.v.	0.5
	- Đặc trưng làng (ấp), nhà : theo dọc các con kênh, sông.	0.50
	- Tôn giáo, tín ngưỡng: đa dạng, phong phú.	0.50
	- Tính cách con người: phóng khoáng, mạnh dạn, trượng nghĩa.	0.50
	- Đi lại: chủ yếu ghe, thuyền (ít đi ngựa và xe).	0.50
	- Ăn mặc: ăn thiên về thủy sản; mặc đồ vải thô giản dị.	0.50
- Sớm tiếp cận và đi đầu trong hội nhập văn hóa Phương Tây.	0.50	
2	<b>Trình bày những lễ Tết (tiết) quan trọng trong phong tục lễ Tết của người Việt.</b>	<b>3.00</b>
	- Tết Nguyên đán: (ngày 01/01 âm lịch). Mọi người nghỉ làm đi thăm chúc nhau; sửa soạn trang hoàng nhà cửa, cúng khấn tổ tiên trang trọng, chuẩn bị nhiều đồ ăn ngon, quần áo đẹp, v.v.	0.50
	- Tết Nguyên tiêu: (thượng nguyên - ngày 15/01 â.l - rằm tháng giêng): cúng ở chùa hay ở nhà nhằm giải quyết tâm linh trừ mọi tai ách cả năm cho gia đình	0.50
	- Tết Đoan ngọ (ngày 5/5 â.l): giết sâu bọ. Mục đích là cầu mong cơ thể mạnh khỏe, cây trái tốt tươi.	0.50
	- Lễ Vu Lan: (ngày 15/7 â.l - rằm tháng 7). Con cái báo hiếu cha mẹ, lễ cúng xá tội vong nhân, giải trừ tai ách, nghiệp chướng...	0.50
	Tết Trung thu: (ngày 15/8 â.l - rằm tháng 8). Vui trông Trăng tròn, ăn các bánh, trái cây.	0.50
- Tết ông Táo (ngày 23/12 â.l). Đưa ông Táo về Trời, thả cá chép, làm lễ phóng sinh.	0.50	
3	<b>Trình bày những đặc trưng cơ bản trong nghệ thuật ngôn từ Việt Nam.</b>	<b>3.00</b>

Câu	Nội dung (Câu hỏi/ Đáp án)	Điểm
	<b>Cho ví dụ minh họa</b>	
	- <i>Tính biểu trưng</i> : thể hiện xu hướng khái quát hóa, ước lệ hóa nhưng có cấu trúc hài hòa, cân đối.	0.50
	- VD: <i>ăn vóc học hay; trèo cao ngã đau; yêu nhau lắm cắn nhau đau; sức dài vai rộng; người sống đồng tiền v.v.</i>	0.50
	- <i>Tính biểu cảm</i> : + Thể hiện sắc thái của những từ trung tính, nhằm nhấn mạnh thêm về ngữ nghĩa của từ đó.	0.25
	+ VD: <b>đỏ</b> – đỏ chon chót, đỏ hoe, đỏ tươi; <b>xanh</b> – xanh thẫm, xanh rì, xanh lè, xanh um, xanh biếc, xanh lơ v.v.	0.25
	+ Tiếng Việt còn dùng nhiều hư từ để biểu cảm:	0.25
	+ VD: à, ừ, hử, hả, thế à, chứ, sao, hử, v.v.	0.25
	- <i>Tính động, tính linh hoạt</i> : + Tùy vào ý đồ của người nói mà họ diễn đạt sao cho người nghe hiểu vấn đề.	0.50
	+ VD: “Tôi sắp lên Tp. Hồ Chí Minh”, “Tôi sẽ lên Tp. Hồ Chí Minh”, “Tôi chuẩn bị lên Tp. Hồ Chí Minh”, “Mai tôi sẽ lên Tp. Hồ Chí Minh”, v.v. <b>(Lưu ý: mỗi cụm từ trong các VD có thể thay bằng các VD khác cùng tính chất hoặc tương đương).</b>	0.50